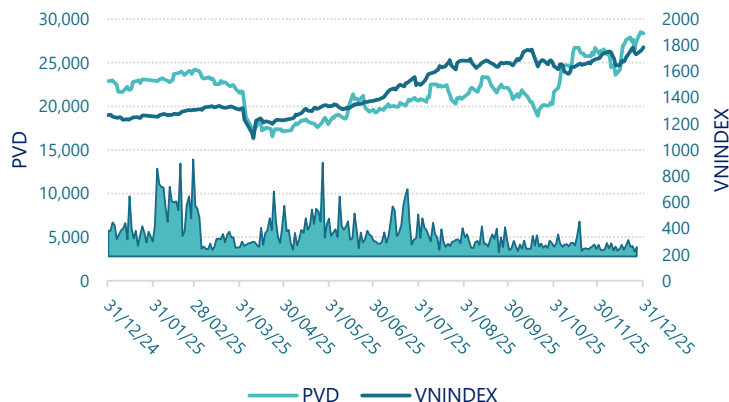




Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,282
SL cổ phiếu LH	555,880,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,612,958
% sở hữu nước ngoài	12.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,759
P/E	15.3
EPS	1,856

DT thuần

Q4/25

4,313

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,742 | 67.8%

YoY: ▲ 1,524 | 54.6%

LN sau thuế

Q4/25

375

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 98.0 | 35.2%

YoY: ▲ 143 | 61.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.5%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

2025

10,834

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,546 | 16.6%

LN sau thuế

2025

1,045

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 347 | 49.7%

ROE

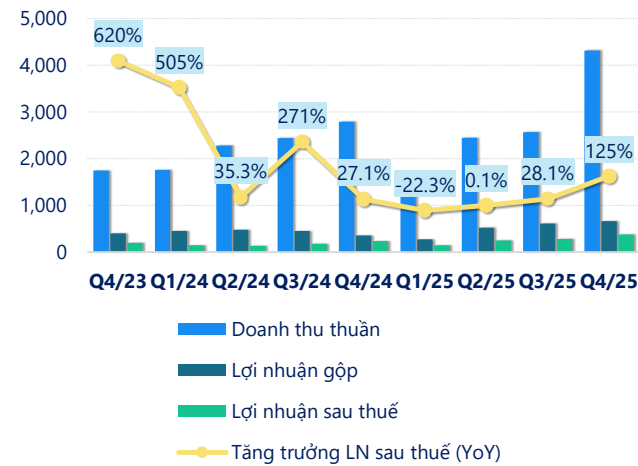
2025

6.2%

+/- YoY: ▲ 1.7%

tỷ VNĐ

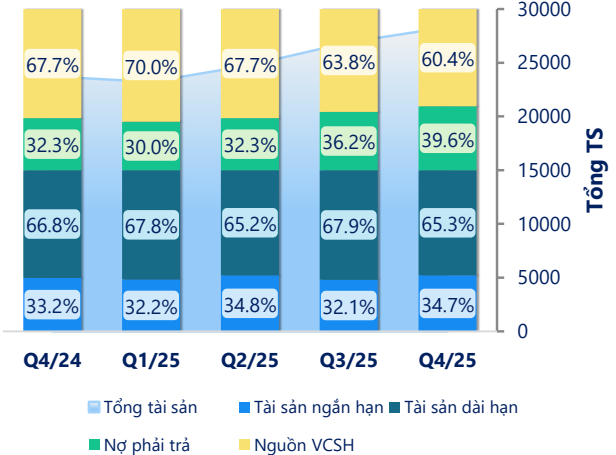
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

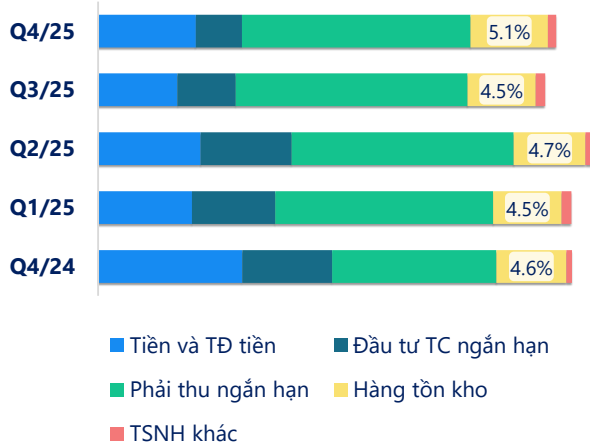
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



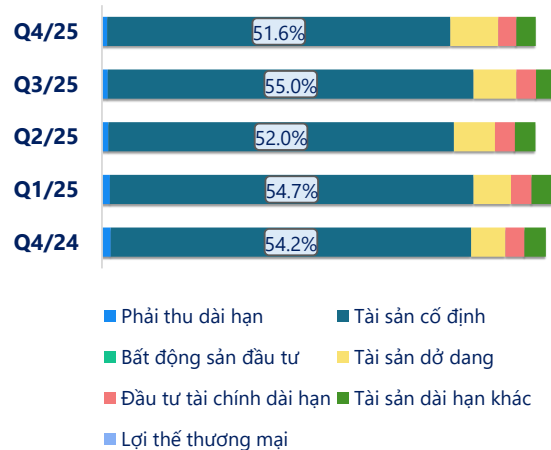
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

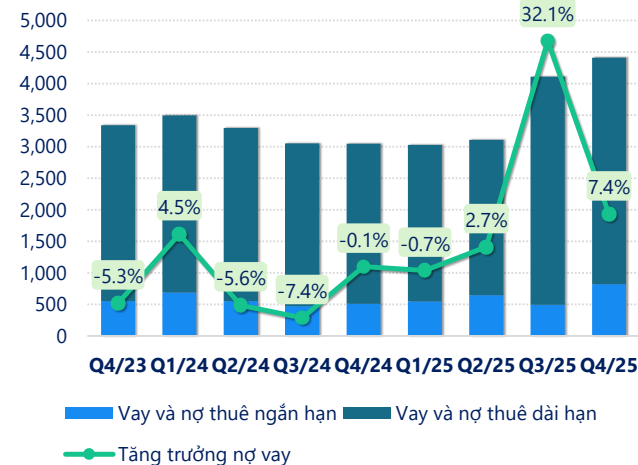
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

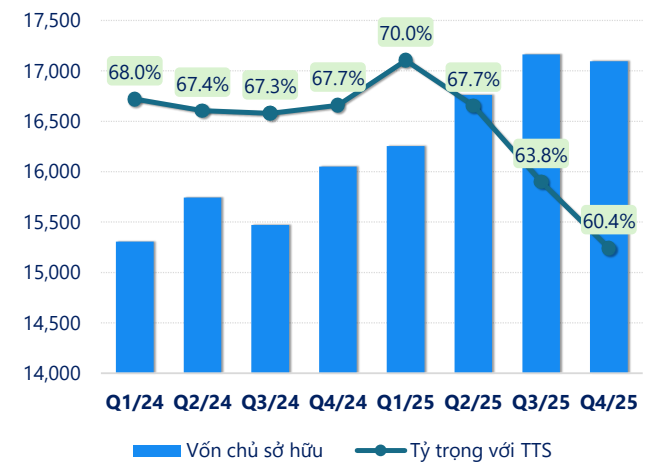
Nợ vay



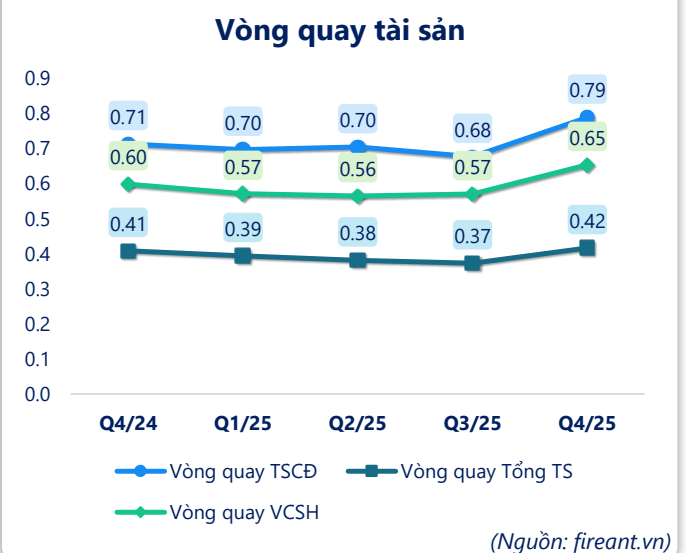
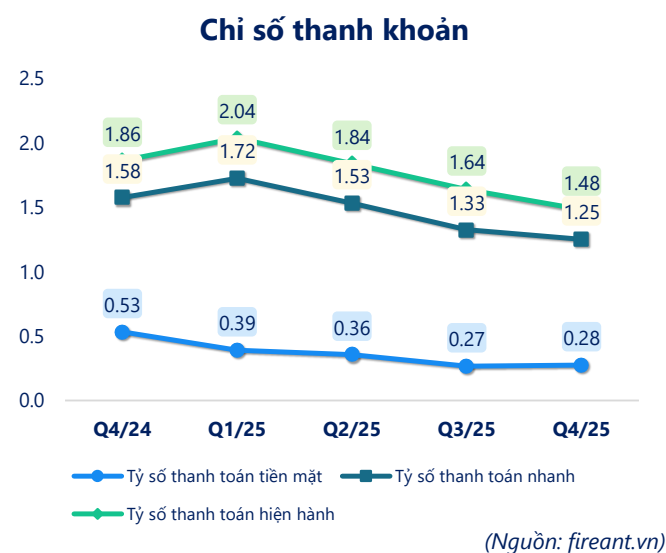
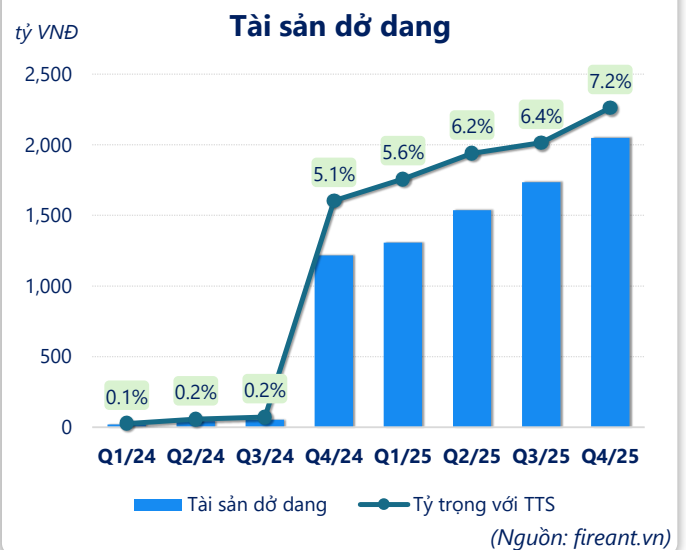
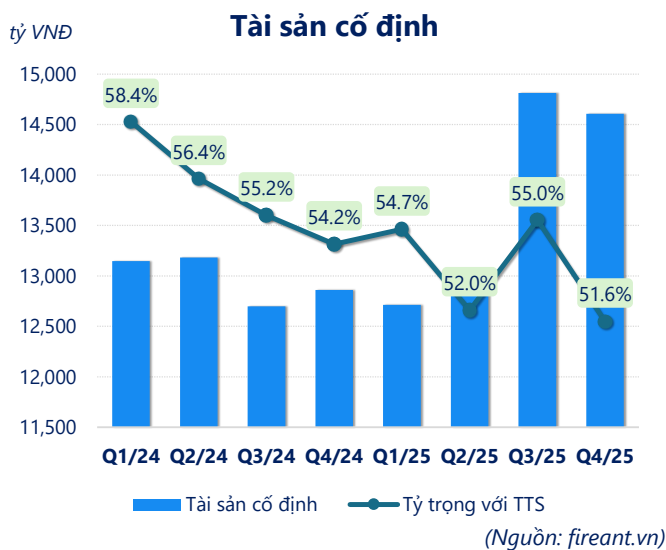
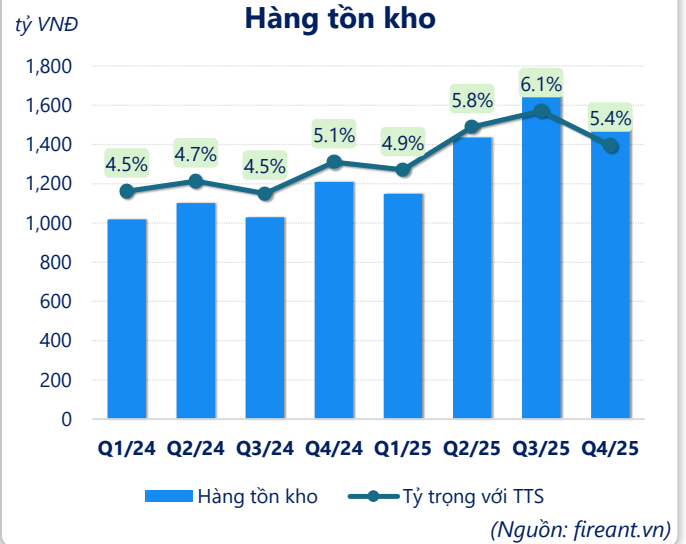
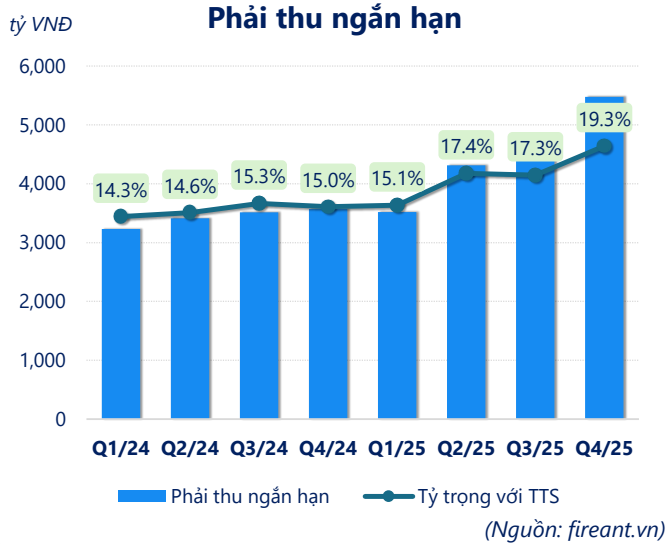
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	23,719	23,232	24,774	26,916	28,311
Tài sản ngắn hạn	7,878	7,482	8,622	8,632	9,831
Tiền và tương đương tiền	2,253	1,435	1,672	1,403	1,823
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720	1,174	944	627	687
Phải thu ngắn hạn	3,568	3,517	4,313	4,650	5,476
Hàng tồn kho	1,209	1,148	1,435	1,644	1,537
Tài sản ngắn hạn khác	128	208	257	308	308
Tài sản dài hạn	15,841	15,750	16,152	18,284	18,480
Phải thu dài hạn	315	276	236	237	228
Tài sản cố định	12,861	12,714	12,878	14,814	14,608
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,217	1,307	1,537	1,735	2,049
Đầu tư tài chính dài hạn	682	715	743	792	770
Tài sản dài hạn khác	766	738	757	705	826
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	7,669	6,979	8,012	9,753	11,215
Nợ ngắn hạn	4,231	3,672	4,689	5,267	6,630
Vay và nợ thuê ngắn hạn	507	545	646	494	821
Phải trả người bán ngắn hạn	1,170	869	1,647	1,642	2,596
Nợ dài hạn	3,438	3,306	3,322	4,485	4,585
Vay và nợ thuê dài hạn	2,541	2,483	2,464	3,614	3,588
Nguồn vốn chủ sở hữu	16,049	16,253	16,763	17,163	17,096
Vốn chủ sở hữu	16,049	16,253	16,763	17,163	17,096
Vốn điều lệ	5,563	5,563	5,563	5,563	5,563
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)